TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **173**/2018/DS-ST
Ngày: 11/9/2018
V/v tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Chót.
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2018/TLST-DS ngày 25/01/2018 về tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1876/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 2012/2018/QĐ-CA ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị B, sinh năm 1969.
Nơi cư trú: Số 48/2, ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.
Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B: ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1954. (Có mặt)
Nơi cư trú: ấp HT, xã TH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Phạm Thị T, sinh năm 1991. (Có mặt)
Nơi cư trú: Số 309/1, ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị T: Luật sư Võ Tấn T2 – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984.(Có mặt)
Nơi cư trú: Số 309/1, ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 23/01/2018, đơn xin rút một phần đơn khởi kiện ngày 28/6/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B là ông Nguyễn Văn T3 trình bày: Bà Phạm Thị T có tham gia nhiều dây hụi do bà Nguyễn Thị B làm chủ, các dây hụi như sau:

- Dây hụi thứ nhất: 1.000.000 (Một triệu) đồng, có 27 hụi viên trong đó bà T tham gia chơi 02 phần, hụi khui ngày 25/9/2015 âm lịch (tức 06/11/2015 dương lịch) mãn hụi ngày 15/5/2017 âm lịch (tức 09/6/2017 dương lịch). Bà T thực hiện đóng hụi hàng tháng cho bà B được 03 tháng thì bà T đã hốt 01 phần vào ngày 25/12/2015 (âm lịch); phần còn lại bà T đóng được 05 tháng đến ngày 25/02/2016 bà T đã hốt hụi. Bà T đóng hụi chết của 02 phần hụi cho bà B đến tháng 7/2017 thì không đóng nữa, số tiền nợ 02 phần của dây hụi này là 03 tháng x 02 phần x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng. Nhưng đến nay bà T chưa trả cho bà B số tiền này, nên bà B yêu cầu trả lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày 20/9/2017 dương lịch đến ngày xét xử 11/9/2018 là 11 tháng 21 ngày với số tiền là 1.123.200 (Một triệu, một trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm) đồng.

- Dây hụi thứ hai: 2.000.000 (Hai triệu) đồng, có 26 hụi viên trong đó bà T tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 27/4/2016 âm lịch (tức 02/6/2016 dương lịch), ngày mãn hụi 27/5/2018 âm lịch (tức 10/7/2018 dương lịch). Bà T thực hiện hốt đầu và bà T đóng cho bà B đến tháng 7/2017 thì không đóng nữa, số tiền nợ của dây hụi này là 09 tháng x 2.000.000 đồng = 18.000.000 đồng. Nhưng đến nay bà T chưa trả cho bà B số tiền hụi này, nên bà B yêu cầu trả lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày 10/7/2018 dương lịch đến ngày xét xử 11/9/2018 là 02 tháng 01 ngày nhưng tính tròn là 02 tháng với số tiền là 576.000 (Năm trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

- Dây hụi thứ ba: 3.000.000 (Ba triệu) đồng, có 27 hụi viên trong đó bà T tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 30/6/2016 âm lịch (tức 03/8/2016 dương lịch), ngày mãn hụi 30/7/2018 âm lịch (tức 09/9/2018 dương lịch). Bà T thực hiện đóng hụi hàng tháng cho bà B được 02 tháng thì bà T đã hốt và bà T đã đóng cho bà B đến tháng 7/2017 thì không đóng nữa, số tiền nợ của dây hụi này là 12 tháng x 3.000.000 đồng = 36.000.000 đồng và đến nay bà T chưa trả cho bà B, không yêu cầu trả lãi.

- Dây hụi thứ tư: 2.000.000 (Hai triệu) đồng, có 26 hụi viên trong đó bà T tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 18/01/2017 âm lịch (tức ngày 14/02/2017 dương lịch), ngày mãn hụi 18/02/2019 âm lịch (tức 23/3/2019 dương lịch). Bà T thực hiện hốt đầu và bà T đóng cho bà B đến tháng 7/2017 (âm lịch) thì không đóng nữa, số tiền nợ của dây hụi này là 18 tháng x 2.000.000 đồng = 36.000.000 đồng và đến nay bà T chưa trả cho bà B, không yêu cầu trả lãi. Như vậy tính đến ngày xét xử 11/9/2018 thì phần hụi vi phạm là 12 tháng và phần hụi chưa vi phạm là 06 tháng.

- Dây hụi thứ năm: 2.000.000 (Hai triệu) đồng, có 25 hụi viên trong đó bà T tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 05/5/2017 âm lịch (tức ngày 30/5/2017 dương lịch), ngày mãn hụi 05/5/2019 âm lịch (tức ngày 07/6/2019 dương lịch). Vào ngày 05/8/2017 bà T đã hốt hụi (do trong năm 2017 có hai tháng 06), số tiền nợ của dây hụi này là 21 tháng x 2.000.000 đồng = 42.000.000 đồng. Nhưng đến nay bà T chưa trả cho bà B số tiền hụi này, không yêu cầu tính lãi. Như vậy tính đến ngày xét xử 11/9/2018 thì phần hụi vi phạm là 12 tháng và phần hụi chưa vi phạm là 09 tháng.

- Dây hụi thứ sáu: 5.000.000 (Năm triệu) đồng, có 24 hụi viên, bà T tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 10/5/2017 âm lịch (năm này có 02 tháng 6). Bà T thực hiện đóng cho bà B được 04 tháng (tháng 7 năm 2017) với số tiền là 12.360.000 đồng, đến ngày

10/8/2017 bà T hốt thì không đóng hụi chết cho bà B, số tiền nợ của dây hụi này là 19 tháng x 5.000.000 đồng = 95.000.000 đồng và do bà T không trả nên bà B yêu cầu tính lãi từ ngày 11/9/2017 đến khi Tòa giải quyết xong vụ án với mức lãi 1,6%/tháng nhưng qua giải quyết thì bà T, ông T1 không thừa nhận số tiền nợ của dây hụi này và do bà B chưa có chứng cứ chứng minh nên vào ngày 28/6/2018 bà B đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Các khoản góp hụi bà T và ông T1 đều thừa nhận đã sử dụng vào mục đích chung cho gia đình như nuôi tôm công nghiệp, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình nên nay bà B yêu cầu bà T, ông T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà B tổng cộng gốc và lãi bà B yêu cầu là: 139.699.200 đồng.Trong đó gốc: 138.000.000 đồng (108.000.000 đồng tiền hụi đã vi phạm nghĩa vụ trả và 30.000.000 đồng tiền hụi chưa vi phạm nghĩa vụ); lãi của dây hụi thứ nhất + thứ hai là 1.699.200 đồng).

Đối với yêu cầu phản tố của bà T yêu cầu bà B phải khấu trừ số tiền mà bà T đã đóng 04 lần của dây hụi thứ 06 (dây hụi 5.000.000 đồng) với số tiền 12.360.000 đồng thì bà B đồng ý sẽ khấu trừ vào tiền hụi gốc 108.000.000 đồng do bà T, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B 01 lần của số tiền vốn hụi đã vi phạm và lãi là 97.339.200 đồng, số tiền còn lại của các dây hụi chưa mãn (thứ tư + thứ năm) là 30.000.000 đồng thì bà B yêu cầu bà T, ông T1 thực hiện đóng hụi chết từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi các dây hụi mãn.

Theo đơn phản tố ngày 11/7/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông bà thừa nhận có tham gia 06 dây hụi do bà Nguyễn Thị B làm chủ, ông bà đã thực hiện hốt hết 05 dây hụi và bà B đã giao tiền đầy đủ, còn dây hụi thứ 6 khui 5.000.000 đồng, ông bà hốt nhưng bà B không giao tiền. Các dây hụi như sau:

- Dây hụi thứ nhất: 1.000.000 (Một triệu) đồng, có 27 hụi viên, bà T tham gia chơi 02 phần, hụi khui ngày 25/9/2015 (âm lịch) mãn hụi ngày 15/5/2017 (âm lịch). Bà thực hiện đóng hụi hàng tháng cho bà B được 03 tháng thì bà T đã hốt 01 phần vào ngày 25/12/2015 (âm lịch); phần còn lại bà đóng được 05 tháng đến ngày 25/02/2016 bà đã hốt tiếp 01 phần hụi còn lại. Bà đóng hụi chết của 02 phần hụi cho bà B đến tháng 7/2017 (âm lịch) thì không đóng nữa, số tiền nợ hụi 02 phần của dây hụi này là 03 tháng x 02 phần x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: 2.000.000 (Hai triệu) đồng, có 26 hụi viên, bà T tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 27/4/2016 âm lịch (tức 02/6/2016 dương lịch), ngày mãn hụi 27/5/2018 âm lịch (tức 10/7/2018 dương lịch). Bà T thực hiện hốt đầu và bà đóng hụi chết cho bà B đến tháng 7/2017 (âm lịch) thì không đóng nữa, số tiền nợ hụi của dây hụi này là 09 tháng x 2.000.000 đồng = 18.000.000 đồng. Bà đồng ý đóng hụi chết cho bà B từ tháng 08 đến tháng 10/2017 (âm lịch) là 03 tháng với số tiền 6.000.000 đồng, còn từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2018 âm lịch là 06 tháng bà không đồng ý đóng.

- Dây hụi thứ ba: 3.000.000 (Ba triệu) đồng, có 27 hụi viên, bà T tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 30/6/2016 âm lịch (tức 03/8/2016 dương lịch), ngày mãn hụi 30/7/2018 âm lịch (tức 09/9/2018 dương lịch). Bà thực hiện đóng hụi hàng tháng cho bà B được 02 tháng thì bà đã hốt và đã đóng hụi chết cho bà B đến tháng 7/2017 (âm lịch) thì không đóng nữa, số tiền nợ hụi của dây hụi này là 12 tháng x 3.000.000 đồng = 36.000.000 đồng. Bà đồng ý đóng hụi chết cho bà B từ tháng 08 đến tháng 10/2017 (âm lịch) là 03 tháng với số tiền 9.000.000 đồng, còn từ tháng 11/2017 đến tháng 07/2018 âm lịch là 09 tháng bà không đồng ý đóng.

- Dây hụi thứ tư: 2.000.000 (Hai triệu) đồng, có 26 hụi viên, bà T tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 18/01/2017 âm lịch (tức ngày 14/02/2017 dương lịch), ngày mãn hụi 18/02/2019 âm lịch (tức 23/3/2019 dương lịch). Bà thực hiện hốt đầu và bà đóng hụi chết cho bà B đến tháng 7/2017 thì không đóng nữa, số tiền nợ hụi của dây hụi này là 18 tháng x 2.000.000 đồng = 36.000.000 đồng. Bà đồng ý đóng hụi chết cho bà B từ tháng 08 đến tháng 10/2017 (âm lịch) là 03 tháng với số tiền 6.000.000 đồng, còn từ tháng 11/2017 đến tháng 02/2019 âm lịch là 15 tháng bà không đồng ý đóng.

- Dây hụi thứ năm: 2.000.000 (Hai triệu) đồng, có 25 hụi viên, bà T tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 05/5/2017 âm lịch (tức ngày 30/5/2017 dương lịch), ngày mãn hụi 05/5/2019 âm lịch (tức ngày 07/6/2019 dương lịch). Vào ngày 05/8/2017 bà T đã hốt hụi, thì không đóng hụi chết (do trong năm 2017 có hai tháng 06), số tiền nợ hụi của dây hụi này là 21 tháng x 2.000.000 đồng = 42.000.000 đồng. Bà đồng ý đóng hụi chết cho bà B từ tháng 08 đến tháng 10/2017 (âm lịch) là 03 tháng với số tiền 6.000.000 đồng, còn từ tháng 11/2017 đến tháng 05/2019 âm lịch là 18 tháng bà không đồng ý đóng.

- Dây hụi thứ sáu: 5.000.000 (Năm triệu) đồng, có 24 hụi viên, bà T tham gia chơi 01 phần, hụi khui ngày 10/5/2017 âm lịch (năm này có 02 tháng 6). Bà thực hiện đóng cho bà B được 04 tháng (tháng 7 năm 2017) với số tiền là 12.360.000 đồng, đến ngày 10/8/2017 bà hốt nhưng bà B chưa giao tiền hụi nên dây hụi này bà B nợ ông bà số tiền đã đóng là 12.360.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay ông bà thừa nhận 05 dây hụi mà ông bà đã hốt của bà B thì hiện nay tổng cộng số tiền hụi chết chưa trả cho bà B tính từ tháng 7 năm 2017 đến khi các dây hụi này mãn thì còn nợ của bà B là 138.000.000 đồng nhưng trong số tiền này ông bà chỉ thừa nhận phần vi phạm nghĩa vụ tính đến tháng 7 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017 (04 tháng) với số tiền là 33.000.000 đồng. Còn phần tiền hụi chết còn lại là 105.000.000 đồng tính từ tháng 11 năm 2017 đến khi các dây hụi mãn thì ông bà không đồng ý trả do bà B đã tuyên bố úp hụi. Do vậy nên nay ông bà yêu cầu bà B phải khấu trừ số tiền mà ông bà yêu cầu phản tố với bà B là 12.360.000 đồng, ông bà đồng ý trả cho bà B tiền hụi chết là 20.640.000 đồng. Ông bà đồng ý trả mức lãi suất 1,6% theo yêu cầu của bà B của 02 dây hụi (thứ nhất + thứ hai) với số tiền là 1.699.200 đồng.

Các khoản góp hụi ông bà đều thừa nhận đã sử dụng vào mục đích chung cho gia đình như nuôi tôm công nghiệp, chi tiêu sinh hoạt chung cho gia đình nên ông bà đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền vốn hụi và lãi là 22.339.200 đồng (Hai mươi hai triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm) đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị T là Luật sư ông Võ Tấn T2 phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B phần hụi đã vi phạm tính từ tháng 08 đến tháng 10 năm 2017 (04 tháng) với số tiền là vốn hụi và lãi là 22.339.200 đồng. Còn số tiền 105.000.000 đồng tính từ tháng 11 năm 2017 đến khi các dây hụi mãn thì bà T, ông T1 không phải trả do bà B đã tuyên bố úp hụi. Nếu bà B chứng minh đã trả thay cho các hụi viên thì bà T, ông T1 đồng ý trả 105.000.000 đồng cho bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Nguyễn Thị B tranh chấp hợp đồng góp hụi với bị đơn Phạm Thị T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn Nguyễn Thị B với bị đơn Phạm Thị T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền hụi là 139.699.200 đồng (trong đó 138.000.000 đồng tiền gốc và 1.699.200 đồng tiền lãi). Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T1 cũng thừa nhận có nợ tiền hụi của bà B là 138.000.000 đồng tiền gốc và 1.699.200 đồng tiền lãi nhưng bà T, ông T1 chỉ đồng ý trả cho bà B số tiền hụi vi phạm trong 04 tháng từ tháng 7 đến tháng 10/2017 là 33.000.000 đồng, còn 105.000.000 đồng tính từ tháng 11/2017 cho đến khi các dây hụi mãn thì không đồng ý trả vì bà T, ông T1 cho rằng thời điểm này bà B đã tuyên bố vỡ hụi và bà B cũng không chứng minh được đã trả thay cho các hụi viên khác. Mặt khác bà T có yêu cầu phản tố để khấu trừ phần tiền hụi của dây hụi thứ 06 bà T đã đóng cho bà B là 12.360.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và bà B cũng đồng ý khấu trừ số tiền này vào phần tiền hụi 108.000.000 đồng mà bà T, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ (tính đến ngày xét xử 11/9/2018). Như vậy số tiền hụi mà bà B yêu cầu bà T, ông T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả là 127.339.200 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm) đồng .

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Qua tố tụng tại phiên tòa thì các đương sự thống nhất tiền góp hụi và tiền lãi bà T, ông T1 phải liên đới trả cho bà B là 127.339.200đồng (đã tính khấu trừ số tiền bà T yêu cầu phản tố 12.360.000 đồng). Nhưng bà T, ông T1 chỉ đồng ý liên đới trả cho bà B số tiền 22.339.200 đồng với lý do bà B không chứng minh được đã trả tiền hụi thay cho các hụi viên khác là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì bà B và các hụi viên còn lại trong dây hụi có thể tự thỏa thuận với nhau để giải quyết phần tiền hụi nếu không thỏa thuận được thì được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền

giải quyết, việc này không liên quan gì đến nghĩa vụ trả tiền hụi của bà T, ông T1 đối với bà B.

[5] Đối với dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 10/5/2017 âm lịch và tiền lãi của dây hụi này thì bà B đã rút yêu cầu khởi kiện vào ngày 28/6/2018 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà B vẫn giữ nguyên quan điểm nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà B. Còn tiền lãi của các dây hụi thứ ba, thứ tư, thứ năm tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của bà B tự nguyện không yêu cầu trả lãi và bà T tự nguyện không yêu cầu trả lãi của số tiền 12.360.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Luật sư Võ T2 là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Căn cứ quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình (do bà T, ông T1 thừa nhận sử dụng tiền góp hụi vào mục đích chung cho gia đình). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị T. Buộc bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà B phần hụi đã vi phạm nghĩa vụ với số tiền 97.339.200 đồng (đã tính khấu trừ số tiền bà T yêu cầu phản tố 12.360.000 đồng). Còn phần hụi chưa vi phạm là 30.000.000đồng thì bà T, ông T1 phải có nghĩa vụ liên đới đóng hụi chết hàng tháng cho bà B được tính từ tháng 10/2018 (dương lịch) cụ thể như sau:

- Tháng 10/2018 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng của dây hụi khui vào các ngày dương lịch: 14/02/2017; 30/5/2017.
- Tháng 11/2018 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng của dây hụi khui vào các ngày dương lịch: ngày 14/02/2017; 30/5/2017.
- Tháng 12/2018 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng của dây hụi khui vào các ngày dương lịch: ngày 14/02/2017; 30/5/2017.
- Tháng 01/2019 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng của dây hụi khui vào các ngày dương lịch: ngày 14/02/2017; 30/5/2017.
- Tháng 02/2019 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng của dây hụi khui vào các ngày dương lịch: ngày 14/02/2017; 30/5/2017.
- Tháng 3/2019 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng của dây hụi khui vào các ngày dương lịch: ngày 14/02/2017; 30/5/2017.
- Tháng 4/2019 đóng 2.000.000 (Hai triệu) đồng của dây hụi khui ngày 30/5/2017.
- Tháng 5/2019 đóng 2.000.000 (Hai triệu) đồng của dây hụi khui vào ngày 30/5/2017.
- Tháng 6/2019 đóng 2.000.000 (Hai triệu) đồng của dây hụi khui vào ngày 30/5/2017.

[8] Về án phí: Bà Phạm Thị T, Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên bà T, ông T1 không phải chịu án phí phần hụi 30.000.000 đồng chưa vi phạm. Số tiền án phí bà T,

ông T1 phải liên đới nộp (97.339.200 đồng x 5%) là: 4.866.960 (Bốn triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm sáu chục) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B và chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị T.

2. Buộc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền 127.339.200 (Một trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm) đồng, nhưng được thực hiện trả nợ cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả một lần cho bà Nguyễn Thị B số tiền 97.339.200 (Chín mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm) đồng.

Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới đóng hụi chết cho bà Nguyễn Thị B với số tiền 30.000.000 đồng (các phần của dây hụi chưa mãn), thực hiện đóng hàng tháng được tính từ 10/2018 (dương lịch) như sau:

- Tháng 10/2018 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.
- Tháng 11/2018 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.
- Tháng 12/2018 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.
- Tháng 01/2019 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.
- Tháng 02/2019 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.
- Tháng 3/2019 đóng 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.
- Tháng 4/2019 đóng 2.000.000 (Hai triệu) đồng.
- Tháng 5/2019 đóng 2.000.000 (Hai triệu) đồng .
- Tháng 6/2019 đóng 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi 95.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/9/2017 đến khi Tòa giải quyết xong vụ án với mức lãi 1,6%/tháng của dây hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 10/5/2017 âm lịch.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới nộp: 4.866.960 (Bốn triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm sáu chục) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng: 353.496 (Ba trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm chín mươi sáu) đồng theo các biên lai thu số 0018480 ngày 10 tháng 7 năm 2018 và biên lai thu số 0018485 ngày 12 tháng 7 năm 2018. Như vậy bà T, ông T1 còn phải liên đới nộp thêm số tiền là: 4.513.464 (Bốn triệu, năm trăm mười ba nghìn, bốn trăm sáu mươi bốn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Bà Nguyễn Thị B được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 6.637.605 (Sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm lẻ năm) đồng theo biên lai thu số 0014257, ngày 25 tháng 01 năm 2018.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).